

VỀ CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG NGÀNH LÂM NGHIỆP

HOÀNG VĂN KIỀU



1) - NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KHOA HỌC, KỸ THUẬT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP:

Hoạt động khoa học, kỹ thuật lâm nghiệp thực sự có nội dung cụ thể, bắt đầu từ khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, và đi vào tổ chức rõ ràng từ năm 1961. Cho đến nay đã có một số kết quả nhất định. Dưới đây là những mặt chủ yếu:

— Về trồng rừng, đã xây dựng được hệ thống kỹ thuật trồng một số loại cây: phi lao, mỡ, bồ đề, bạch đàn, thông, tre; bắt đầu đi vào giải quyết vấn đề giống; bảo quản, thu hái, tạo giống vô tính, nhân giống, chọn giống (thông, bạch đàn); xây dựng kỹ thuật tạo cây non theo phương pháp công nghiệp (bầu dinh dưỡng, nuôi tưới cây con); phân hạng đất, trồng rừng kỹ thuật, phòng chống sâu bệnh

cho từng rừng trồng (thông, bạch đàn, mỡ, bồ đề, tre).

— Trong kinh doanh rừng tự nhiên, đã xây dựng quy trình tạm thời khai thác gỗ củi và nứa, xác định kỹ thuật tái sinh, làm giàu các loại rừng tàn kiệt.

— Về gỗ, đã xây dựng được quy định kỹ thuật bảo quản gỗ chống mục mọt, mối, hà; tiêu chuẩn kỹ thuật phân hạng gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ chuyên dùng; thiết kế và chế tạo một số thiết bị, công cụ phục vụ khai thác gỗ.

— Đối với một số đặc sản xuất khẩu, đã bước đầu giải quyết một số mặt kỹ thuật: trích và chưng nấu nhựa thông, nuôi thả sâu và tạo cây chủ cánh kiến đỏ, tận dụng phế liệu shellac, nhân giống ba kích; phục tráng rừng hồi già cỗi.

— Trong công tác điều tra và nghiên cứu cơ bản, đã điều tra được tài nguyên rừng của những loại gỗ chủ yếu; xác định tính năng kỹ thuật của trên 400 loại gỗ phổ biến. Bước đầu xác định quy luật phân bố của thảm thực vật rừng, quy luật diễn thế của rừng, hệ số hình thái cơ bản của cây rừng Việt Nam.

Những vấn đề khoa học, kỹ thuật lâm nghiệp đến nay cần tiếp tục giải quyết:

— Kỹ thuật đã có chỉ mới là từng mặt rời rạc, chưa thành những hệ thống đồng bộ để phục vụ đầy đủ chuyên sản xuất toàn diện: trong trồng rừng, cơ cấu cây trồng còn quá hẹp, hạn chế phần nào việc sử dụng các loại đất rất phức tạp; trong thực tế, kỹ thuật về giống, phòng chống sâu bệnh, thì những mũi nhọn khoa học, kỹ thuật lại đi sau sản xuất quá xa. Trong kinh doanh rừng tự nhiên, chưa xây dựng được kỹ thuật điều tiết là mặt quyết định của khâu này.

(*) *Lược trích báo cáo của đồng chí Hoàng Văn Kiêu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, tại Hội nghị khoa học — kỹ thuật toàn quốc lần thứ hai, tháng 3-1978.*

— Công tác nghiên cứu cơ bản còn quá ít: một thời gian bị coi nhẹ, cho nên hoàn toàn mất cân đối với khâu nghiên cứu kỹ thuật ứng dụng: trồng rừng lại thiếu cơ sở sinh lý, sinh thái của cây trồng; phát triển cánh kiến đồ bị hạn chế, vì những chỉ tiêu thông số cơ bản về sâu chưa nghiên cứu được; có kỹ thuật trồng ba kích, nhưng thiếu những số liệu cơ bản về phân tích được liệu của ba kích...

Ngược lại, một số kết quả về nghiên cứu cơ bản có giá trị lại không được khâu nghiên cứu ứng dụng kế tiếp để sử dụng, do thiếu cán bộ hoặc do tổ chức nghiên cứu thay đổi luôn.

— Công tác điều tra cơ bản lại càng ít, thiếu những mặt rất cần thiết như đất rừng, muông thú, côn trùng, khí hậu, thủy văn rừng, do đó hạn chế các khâu nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng: mở rộng cơ cấu cây trồng rừng cho từng vùng sinh thái tự nhiên, phát triển đặc sản thực vật và động vật rừng...

— Một tồn tại quan trọng hơn cả là với vốn kỹ thuật đã có, mặc dù còn nhỏ, chưa được đưa vào áp dụng rộng rãi trong sản xuất, do nhiều nguyên nhân: không có tổ chức chỉ đạo, quản lý kỹ thuật sản xuất, đặc biệt ở các cơ sở sản xuất như lâm trường, hợp tác xã nghề rừng, xí nghiệp lâm nghiệp; thiếu phương pháp công tác để triển khai các kết quả nghiên cứu; thiếu chế độ chính sách khuyến khích và bắt buộc áp dụng kỹ thuật; thiếu biện pháp đồng bộ thực hiện kỹ thuật...

Do những nguyên nhân đó, đến nay khoa học, kỹ thuật chưa thành một động lực của sản xuất lâm nghiệp; trong nhận thức tư tưởng cán bộ, công nhân lâm nghiệp chưa thấy cần thiết và đòi hỏi khoa học, kỹ thuật, mặc dầu ở một số ít cơ sở sản xuất, sau một thời gian áp dụng những kỹ thuật đã có, thấy rõ tác dụng thiết thực, thì ngày càng thiết tha gắn bó với khoa học, kỹ thuật và khẩn thiết đòi hỏi khoa học, kỹ thuật.

Vấn đề hiện nay là: phải xác định cho được những nguyên nhân đã hạn chế việc áp dụng các tiến bộ khoa học — kỹ thuật trong sản xuất và có biện pháp kiên quyết giải quyết sự hạn chế đó. Cụ thể cần tập trung vào một số biện pháp chính sau đây:

— Cải tiến công tác kế hoạch, trong đó kế hoạch tiến bộ khoa học — kỹ thuật là bộ phận hữu cơ, và có tính chất pháp lệnh, như các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất. Kèm theo kế hoạch tiến bộ khoa học, kỹ thuật, phải xây dựng những cơ sở vật chất và kỹ thuật cần đối với nhiệm vụ sản xuất.

— Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý và

chỉ đạo, kỹ thuật từ trung ương đến huyện, đặc biệt tại cơ sở sản xuất là lâm trường, hợp tác xã nghề rừng. Phải quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp về mặt quản lý, chỉ đạo kỹ thuật trong sản xuất, đồng thời có những chính sách, chế độ vừa khuyến khích, vừa bắt buộc, đưa công tác kỹ thuật trong sản xuất nghề rừng thành một nền nếp thường xuyên.

Đó là nhiệm vụ cấp thiết trước mắt, đến khi việc vận dụng tiến bộ khoa học — kỹ thuật trong sản xuất đã có nền nếp thì yêu cầu của sản xuất sẽ rất lớn, vốn kỹ thuật của ngành lâm nghiệp không còn đủ để phục vụ, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để xây dựng thêm những tiến bộ mới, đặc biệt từ 1980 về sau, có như vậy mới đưa sản xuất lâm nghiệp từng bước lên quy mô lớn xã hội chủ nghĩa, theo Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ 4, vì đối tượng nghiên cứu lâm nghiệp chủ yếu là hàng trăm loại cây rừng khác nhau — thường là dài ngày, ít nhất là 7 — 10 năm, trung bình phải 40 — 50 năm.

II — PHƯƠNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, KỸ THUẬT TRONG NGÀNH LÂM NGHIỆP

Cần tập trung vào 4 vấn đề then chốt sau đây:

a) Trước hết, đẩy mạnh công tác điều tra và nghiên cứu cơ bản một cách có hệ thống, có trọng tâm, nhằm tạo ra cơ sở vững chắc cho khâu nghiên cứu ứng dụng. Cần giải quyết những vấn đề: điều tra cơ bản về hệ thực vật rừng, hệ động vật và côn trùng rừng, thổ nhưỡng và khí hậu thủy văn rừng, sinh lý và sinh thái của một số cây con được chọn làm đối tượng kinh doanh chủ yếu. Ngành lâm nghiệp cần có sự hỗ trợ phối hợp của nhiều ngành, cơ quan khoa học kỹ thuật khác.

b) Trồng rừng, cụ thể trồng rừng cung cấp gỗ làm nguyên liệu cho công nghiệp, cần được xem như trồng cây công nghiệp trong nông nghiệp theo phương pháp thâm canh (bông, chè, cao su, cà phê...) và phải có một hiệu suất kinh tế nhất định mới chấp nhận được (thể hiện bằng năng suất gỗ trên đơn vị ha). Vì vậy, phải cân nhắc kỹ các yếu tố sản xuất của việc trồng rừng: đất trồng, kỹ thuật trồng, phân bón, giống...

Đất tốt để trồng rừng không thể có nhiều, vì phải dành cho nông nghiệp; đây là quy luật phổ biến trong lịch sử nước ta cũng như trên thế giới; ở nước ta, lại càng rõ rệt. Phải lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp với đất dành cho trồng rừng, thường là đất xấu, có độ dốc nhiều hay ít. Đến nay, mỡ và bồ đề là

những cây cung cấp gỗ cho công nghiệp giấy sợi, đặc biệt bồ đề, vừa đòi hỏi đất tốt, vừa có một số nhược điểm (tán cây thưa, đòi hỏi dinh dưỡng nhiều, khả năng bồi hoàn cho đất kém). Đó là những *khó khăn về khoa học, kỹ thuật*, ta đang cố gắng nghiên cứu giải quyết. Vì vậy, về cơ cấu cây trồng rừng gỗ công nghiệp, một mặt, tiếp tục nghiên cứu khắc phục những nhược điểm của bồ đề, mặt khác cần nghiên cứu một số cây khác ít đòi hỏi về đất, để thay thế cho bồ đề trong công nghiệp giấy, sợi. Ngoài ra, cần nghiên cứu mở rộng cơ cấu cây trồng trên địa bàn chính dành cho lâm nghiệp là hệ thống đồi núi trọc. Đến nay, mới xác định một số loài thông và bạch đàn, cần nghiên cứu phát hiện thêm nhiều cây khác nữa.

Đối với rừng trồng nói chung, vấn đề tuổi bón chưa thể đặt ra rộng rãi, cho nên biện pháp chủ yếu để nâng cao năng suất gỗ của rừng trồng là *giống và kỹ thuật trồng*. (tạo cây làm đót, tĩa thưa...). Giống là mũi nhọn về mặt khoa học, kỹ thuật, cần tập trung việc nghiên cứu và hướng dẫn nhân giống, chọn giống và tiết kiệm giống, nhằm trước mắt đạt những bước tiến dài về năng suất, đồng thời tạo điều kiện đầy mạnh hơn nữa tốc độ trồng rừng; về lâu dài, công tác nghiên cứu cần đi đến kết quả tạo ra những giống mới, có khả năng tự chống được những sâu bệnh phổ biến, và có năng suất gỗ cao hơn.

Đi đôi với nghiên cứu giống, cần nghiên cứu xác định phương thức trồng hỗn giao một số loại cây gỗ, nhằm khắc phục nhược điểm của rừng trồng thuần loại, một hệ sinh thái đặc biệt không có lợi. Trong khi chờ đợi, vẫn cần nghiên cứu kỹ thuật phòng chống sâu bệnh cho rừng trồng bằng nhiều hướng: hóa học, sinh vật và tổng hợp.

Cũng thuộc hệ thống khoa học, kỹ thuật trồng rừng là vấn đề phát triển đặc sản, xuất khẩu và vấn đề kết hợp sản xuất nông và lâm nghiệp.

Về *đặc sản*, trước mắt tập trung nghiên cứu giải quyết những mặt tồn tại của sản xuất đối với những loại đã xác định: cánh kiến đỏ, hồi, ba kích, quế. Mũi nhọn nghiên cứu là vấn đề giống: giữ giống và chọn giống sâu cánh kiến đỏ nhằm thanh toán tình trạng mất mùa có chu kỳ, đồng thời tăng năng suất và chất lượng nhựa; chọn và tạo giống ba kích thông qua kỹ thuật tác động vào nhiễm sắc thể; nhân giống hồi vô tính và chọn giống cho quá nhiều chất lượng dầu tốt, cây quế cũng cần phải nghiên cứu (sâu quế). Mũi nhọn thứ hai là nghiên cứu xác định kỹ thuật tạo nguồn nguyên liệu tập trung, ổn định để kinh doanh với kỹ thuật thâm canh, thanh toán được tình trạng hái lượm tự nhiên.

Trong nhiệm vụ kết hợp sản xuất nông và lâm nghiệp, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học kỹ thuật là đề ra những phương thức, những kỹ thuật để các cây rừng cùng với các cây nông nghiệp, tạo thành một hệ sinh thái ổn định, giữ vững sản lượng, cụ thể là:

— Mặt thứ nhất, trên đất nông nghiệp cũng như đất lâm nghiệp, bên cạnh sản phẩm chính đã xác định trong quy hoạch, cần nghiên cứu phương thức và kỹ thuật trồng các loại cây như lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, cây cho chăn nuôi, cây cho gỗ củi, vỏ lá, dược liệu... nhằm sử dụng đất đai một cách tổng hợp, với hiệu suất cao nhất.

— Mặt thứ hai, để góp phần hợp lý hóa việc khai hoang, vấn đề nghiên cứu xây dựng phương thức và kỹ thuật tạo rừng dưới các dạng, kiểu khác nhau như dải, cụm... nhằm giữ vững cân bằng sinh thái của vùng khai hoang, do đó, bảo vệ thiết thực sản xuất nông nghiệp là một việc quan trọng.

Trong phong trào trồng cây phân tán của nhân dân, một yếu tố hết sức quan trọng đã tạo nguồn cung cấp gỗ, củi tại chỗ cho nhân dân vùng đồng bằng, ven biển, và cũng có thể cho cả Nhà nước, vấn đề cần nghiên cứu là: kỹ thuật, tăng nguồn giống về số lượng và chất lượng cây trồng.

c — *Kinh doanh rừng tự nhiên* là phương hướng phổ biến và chủ yếu hiện nay thế giới đang áp dụng để giải quyết vấn đề cung cấp hàng gỗ lớn. *Đối với nước ta, kinh doanh rừng tự nhiên là một khả năng lớn, đồng thời là một phương hướng kinh doanh kinh tế hơn cả, để cung cấp nhiều loại gỗ lớn.*

Về mặt nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để kinh doanh rừng tự nhiên, có thể phân biệt hai đối tượng rừng chủ yếu:

Loại rừng tự nhiên có *trữ lượng gỗ giàu và trung bình, thường đã già, hoặc đến tuổi khai thác và tái sinh*. Đây là một hệ sinh thái đặc biệt trong quá trình tiến hóa tự nhiên của rừng nhiệt đới đến một thể ổn định, không có lợi về mặt kinh doanh, vì rừng hầu như không tăng thêm về trữ lượng và sản lượng gỗ. Nội dung nghiên cứu đối với loại đối tượng này là phá vỡ thể ổn định đó, nhưng không đảo lộn về cơ bản hệ sinh thái của rừng trẻ lại, nghĩa là có một thể mới, trong đó các thành phần cây có điều kiện tiến lên theo quy luật đi lên. Cụ thể: một mặt, cần nghiên cứu cường độ chặt hạ những cây già cỗi, cây tật bệnh, hoặc có ít giá trị sử dụng, hoặc trở ngại cho sự sinh trưởng của đa số cây nhỏ cây trẻ, đó là kỹ thuật chặt tái sinh, qua đó, sẽ lấy ra được một khối lượng gỗ quan trọng. Sau chặt tái sinh rừng sẽ được «đóng» lại và từng thời gian nhất định, chỉ có những công tác nghiệp

vụ phát quang, tỉa thưa cho đến lần chặt thứ hai; mặt khác, cần nghiên cứu cải tiến phương thức tái sinh nuôi dưỡng rừng, trên cơ sở nghiên cứu sử dụng cơ giới đến mức tối đa cho phép. Giải quyết được những kỹ thuật cơ bản nói trên, áp dụng cho toàn bộ 3,3 triệu ha hiện có, thì sau một thời gian vài ba chục năm, lâm phân cung cấp sẽ có 1 bộ phận cung cấp rất lớn cả về diện tích và giá trị kinh tế đồng thời có điều kiện để kinh doanh khai thác theo qui mô lớn xã hội chủ nghĩa.

Loại rừng tự nhiên thứ hai cần nghiên cứu là rừng nghèo kiệt, phân tán chủ yếu ở vùng trung du miền Bắc và miền Trung, có nhiều thuận lợi về địa hình và giao thông vận tải. Về mặt khoa học, những rừng đó, mặc dù muôn hình muôn vẻ nhưng đều thuộc một hệ sinh thái chung, đặc biệt trong thể thấp nhất của quá trình diễn thế tự nhiên, trước giai đoạn biến thành rừng cổ và cây bụi của đồi núi trọc. Thể đó cũng ổn định, nghĩa là nếu không có tác động của con người thì thể đó được giữ rất lâu, hàng trăm năm, và như vậy không có lợi chút nào cho nhiệm vụ kinh doanh rừng. Hướng nghiên cứu là phá thể ổn định thấp đó của rừng, và tạo ra những yếu tố mới để rừng tiến hóa theo hướng đi lên. Những yếu tố mới đó là: cấu trúc rừng được cải tạo, hệ thống cây con được tra dặm vào thành một tập thể cây có năng lực sinh trưởng cao và có giá trị kinh tế lớn.

Hướng nghiên cứu đối với 2 loại rừng là như vậy, nhưng công tác nghiên cứu cụ thể cần được tổ chức có khoa học, có nhiều vùng nhiều dạng rừng khác nhau, nhằm xác định được một dụng cụ thể những biện pháp kỹ thuật, cơ cấu cấy tái sinh, cũng như phương thức tái sinh, nuôi dưỡng rừng theo hướng cơ giới hóa. Giải quyết được những vấn đề khoa học kỹ thuật đó, và áp dụng cho rừng hiện có, cũng sẽ giải quyết được những chỉ tiêu về cung cấp gỗ (vì cải tạo rừng nghèo có thể tận dụng được một khối lượng gỗ củi đáng kể, khoảng 8 đến 10m³/ha và 15-20 site củi/ha), đồng thời thực hiện phần đầu của nhiệm vụ xây dựng lâm phân cung cấp.

d) - Khai thác gỗ và chế biến gỗ, Hướng nghiên cứu cần tập trung vào một số vấn đề chủ yếu sau: kỹ thuật vận xuất, vận chuyển, bốc xếp, kinh tế nhất đối với hạng gỗ nhỏ (gỗ cành ngọn, gỗ tỉa thưa) và kỹ thuật xẻ những gỗ đó. Kỹ thuật bóc, lạng áp dụng cho một số loại gỗ của miền Nam (gỗ giáng hương, cẩm lai, dâu, sao, huỳnh...). Kỹ thuật sản xuất ván nhân tạo với hạng gỗ phế liệu (cành, ngọn, bắp bìa, lõi gỗ...) và đi theo là kỹ thuật chế tạo keo, chủ yếu bằng những nguyên liệu trong nước, kỹ thuật nhiệt phân gỗ được, vệt.

Mục tiêu cuối cùng của nhiệm vụ nghiên cứu về gỗ là đưa được tỷ lệ sử dụng gỗ hiện nay từ 25-30% lên 50-60% kể từ khai thác đến khâu chế biến.

Đối với đặc sản xuất khẩu, nghiên cứu xây dựng kỹ thuật tinh chế đến sản phẩm cuối cùng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu, chấm dứt việc xuất nguyên liệu thô, đồng thời xây dựng kỹ thuật chế biến sản phẩm phụ, phế liệu thành hàng hóa tiêu dùng trong nước.

III- CHƯƠNG TRÌNH TIẾN BỘ KHOA HỌC - KỸ THUẬT PHỤC VỤ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP.

Thống nhất với Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ Lâm nghiệp đã xây dựng một hệ thống chương trình về tiến bộ khoa học - kỹ thuật, bao gồm những tiến bộ khoa học - kỹ thuật đưa ngay vào sản xuất trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), và những tiến bộ khoa học - kỹ thuật sẽ được xác định thêm thông qua công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, và cần đưa vào sản xuất trong cuối kế hoạch 5 năm này, hoặc trong kế hoạch 5 năm tiếp sau.

Chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật lâm nghiệp áp dụng cho toàn quốc trong lĩnh vực của ngành, đồng thời có một hoặc vài địa bàn trọng điểm, ở đó, ngành cần tập trung mọi lực lượng nhằm thực hiện tốt nhất chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, tạo một sự chuyển biến thực sự trong sản xuất của ngành.

Dưới đây là danh mục các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật của ngành lâm nghiệp:

1) - Chương trình về đối tượng sản xuất, thuộc cấp Nhà nước, do Bộ Lâm nghiệp thực hiện bao gồm:

- Chương trình về trồng rừng cung cấp nguyên liệu công nghiệp.

- Chương trình về khai thác gỗ và tái sinh nuôi dưỡng rừng khai thác.

- Chương trình về phát triển cây đặc sản xuất khẩu, trọng tâm là cánh kiến đỏ, và cây được liệu dưới tán rừng.

2) Chương trình về các yếu tố sản xuất, do Bộ Lâm nghiệp phối hợp với các ngành khác, bao gồm:

- Chương trình về sử dụng đất hợp lý, bảo vệ, bồi dưỡng và cải tạo đất nông, lâm nghiệp.

- Chương trình về sử dụng tổ chức lao động và tăng năng suất lao động trong nông, lâm nghiệp.

- Chương trình về giống cây trồng, cây rừng.

- Chương trình về bảo vệ thực vật nông, lâm nghiệp.

- Chương trình cơ khí hóa và cơ khí phục vụ nông, lâm nghiệp.

- Chương trình hóa học phục vụ nông, lâm nghiệp.

- Chương trình *năng lượng* phục vụ nông, lâm nghiệp.

3) Chương trình *tổng hợp cấp Nhà nước*, có sự *phối hợp hoặc chủ trì* của Bộ Lâm nghiệp, bao gồm:

- Chương trình đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thực tế sản xuất trên địa bàn huyện.

- Chương trình *tổ chức lại* sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Chương trình khoa học, kỹ thuật phục vụ *khai hoang* và xây dựng vùng kinh tế mới.

- Chương trình khoa học, kỹ thuật về *nông, lâm, công nghiệp* kết hợp.

- Chương trình *điều tra tổng hợp* vùng Tây Nguyên.

- Chương trình *điều tra tổng hợp* vùng Tây Bắc.

IV - NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN VÀ KIẾN NGHỊ

Để thực hiện được các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật nói trên, ngành lâm nghiệp, một mặt, cần *tự giải quyết* một số vấn đề, mặt khác cần *đề xuất hoặc kiến nghị* với cấp trên và các ngành khác về những mặt có liên quan mật thiết đến nhiệm vụ của ngành.

1 - Một số vấn đề lớn mà ngành lâm nghiệp cần nghiên cứu để giải quyết:

- Nhanh chóng hợp lý hóa và ổn định hệ thống tổ chức quản lý khoa học, kỹ thuật, hệ thống tổ chức nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trên nguyên tắc tập trung, kết hợp với phân công hợp lý, nhằm huy động được toàn bộ lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật của ngành, đồng thời đảm bảo chất lượng của kết quả nghiên cứu.

- Bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, đưa cán bộ đúng vào những lĩnh vực phù hợp với khả năng, sở trường của mỗi người, chú trọng bổ sung lực lượng

nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cả về số lượng và chất lượng.

- Tạo thêm điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật: bổ sung và hiện đại hóa trang thiết bị nghiên cứu cho những đơn vị tổ chức trung tâm, chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác thông tin khoa học, kỹ thuật, tăng cường phương tiện thông tin, làm việc, đi lại...

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật, đặc biệt với các nước vùng nhiệt đới Đông Nam Á.

Điểm cần chú ý về mặt này là khoa học kỹ thuật lâm sinh và trồng rừng của nước ta và những nước đó có nhiều điểm gần giống nhau, vì cũng thuộc một hệ sinh thái lớn của loại rừng nhiệt đới ẩm, nhưng không vì thế mà có thể áp dụng một cách máy móc kỹ thuật của nước này hay nước kia mà phải thông qua một quá trình nghiên cứu cụ thể, lặp đi lặp lại nhiều lần mới biến thành kỹ thuật của mình.

Ngược lại, trong lĩnh vực nghiên cứu về công nghiệp rừng, đối tượng nghiên cứu không phải là những vật sống, cho nên có thể đi nhanh hơn bằng phương thức nhập kỹ thuật, qua việc trao đổi mua bán, sau khi đã qua quá trình khảo nghiệm cụ thể.

- Kết hợp tổ chức nghiên cứu một số vấn đề về quản lý kinh tế có liên quan chặt chẽ đến cách mạng khoa học - kỹ thuật trong lâm nghiệp.

2 - Kiến nghị với Chính phủ.

Đề nghị nghiên cứu lại tiêu chuẩn dùng để quy hoạch đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp. Ngành nông nghiệp cũng như ngành lâm nghiệp, đều sử dụng đất để trồng những loại thực vật, mỗi loại thực vật có những đòi hỏi nhất định về đất đai, cụ thể là độ phì và độ sâu của đất, do đó, khi phân chia đất cho lâm nghiệp hay cho nông nghiệp còn phải nhìn vào những yếu tố đó.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 13)

Tình hình trên đã hạn chế sự đóng góp của cán bộ kỹ thuật ở tỉnh, huyện và cơ sở; cán bộ khoa học, kỹ thuật được đào tạo ra thiếu đồng bộ và cân đối (giữa công nhân lành nghề, trung cấp, kỹ sư; giữa các ngành,...) Việc bồi dưỡng cán bộ cũng tiến hành chưa được bao nhiêu. Tình hình hiện nay là nhiều cán bộ khoa học, kỹ thuật ở trung ương cũng như địa phương chưa thật phấn khởi. Tuy các văn bản của Đảng và Nhà nước đã nói rõ; nhưng

trên thực tế, người cán bộ khoa học, kỹ thuật chưa thấy có được vai trò xứng đáng trong sản xuất, trong các quyết định của các ngành và các cấp có liên quan đến khoa học, kỹ thuật.

Ở miền Nam có khoảng 10 vạn cán bộ từ trung học trở lên được đào tạo theo hệ thống tư bản chủ nghĩa cần được sử dụng bồi dưỡng và rèn luyện tốt để phát huy khả năng và giúp họ sớm trở thành những người trí thức xã hội chủ nghĩa.

Số sau: Những nhận thức rút ra từ thực tế hoạt động khoa học - kỹ thuật trong nông, lâm, ngư nghiệp.